

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông và
phổ thông dân tộc nội trú năm học 2025-2026 tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 173/TTr-SGDĐT ngày 19/3/2025; Ý kiến đồng ý của thành viên UBND tỉnh tại Công văn số 956/VP.UBND ngày 21/3/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông và phổ thông dân tộc nội trú năm học 2025-2026 tỉnh Quảng Ninh với các nội dung sau:

**I. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG¹
KHÔNG CHUYÊN BIỆT**

1. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đảm bảo quy định tại Điều 8² Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Ngoài ra, đối với trường công lập, học sinh có nơi thường trú tại tỉnh hoặc học hết lớp 9 tại cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

¹ Bao gồm các trường: Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (gọi chung là trường trung học phổ thông)

² Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Chỉ tiêu, địa bàn tuyển sinh

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 trường phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; có điều chỉnh đối với một số trường trung học phổ thông (chi tiết theo Phụ lục).

b) Địa bàn tuyển sinh: Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với UBND các địa phương quy định địa bàn tuyển sinh cho các trường trung học phổ thông đảm bảo nguyên tắc tuyển sinh, công bằng trong tiếp cận giáo dục và đúng quy định pháp luật.

3. Phương thức tuyển sinh

a) Trường tư thục: Xét tuyển.

b) Trường công lập: Thi tuyển đối với trường có số học sinh đăng ký tuyển sinh cao hơn chỉ tiêu tuyển sinh; xét tuyển đối với các trường còn lại.

4. Chế độ tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể về đối tượng, minh chứng, trình tự, thủ tục... để được tuyển thẳng, cộng điểm ưu tiên, cộng điểm khuyến khích; trong đó, làm rõ danh mục các cuộc thi về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để làm căn cứ thực hiện chế độ tuyển thẳng, cộng điểm khuyến khích.

5. Thời gian tuyển sinh

a) Đăng ký tuyển sinh

- Đối với trường công lập: Từ ngày 05 - 10/5/2025;

- Đối với trường tư thục: Từ ngày 22/6 - 25/7/2025.

b) Công bố danh sách tuyển thẳng: Ngày 25/5/2025.

c) Thi tuyển sinh: Từ ngày 01 - 02/6/2025.

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài
01/6/2025	Sáng	Ngữ văn	120 phút
	Chiều	Ngoại ngữ	60 phút
02/6/2025	Sáng	Toán	120 phút

d) Công bố điểm thi và dự kiến điểm chuẩn: Ngày 15/6/2025.

đ) Công bố điểm phúc khảo và điểm chuẩn: Ngày 22/6/2025.

e) Công bố kết quả tuyển sinh

- Trường công lập

+ Ngày 01/7/2025 đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển;

+ Ngày 20/7/2025 đối với trường tuyển sinh bằng phương thức xét tuyển.

- Trường tư thục: Ngày 31/7/2025.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN HẠ LONG

1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh vào trường trung học phổ thông công lập (quy định tại mục I.1 Điều này); đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học tập ở cấp trung học cơ sở (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên).

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh; 12 lớp chuyên gồm: Toán, Tin học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc và 02 lớp chuyên Tiếng Anh. Mỗi lớp chuyên có không quá 35 học sinh.

3. Thời gian tuyển sinh

a) Đăng ký tuyển sinh: Từ ngày 05 - 10/5/2025.

b) Thi tuyển sinh: Từ ngày 01 - 03/6/2025

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài
01/6/2025	Sáng	Ngữ văn	120 phút
	Chiều	Ngoại ngữ	60 phút
02/6/2025	Sáng	Toán	120 phút
	Chiều	Các môn chuyên: <i>Tin học, Vật lí, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc</i>	150 phút
03/6/2025	Sáng	Các môn chuyên: <i>Toán, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>	150 phút

c) Công bố điểm thi và dự kiến điểm chuẩn: Ngày 15/6/2025.

d) Công bố điểm phúc khảo và điểm chuẩn: Ngày 22/6/2025.

đ) Công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 01/7/2025.

III. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Học sinh đảm bảo các quy định tại: Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú, Điều 3 Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở

và trung học phổ thông (đối với tuyển sinh vào lớp 6), Điều 8 Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (đối với tuyển sinh vào lớp 10); có thường trú thuộc địa bàn tuyển sinh của trường theo quy định.

2. Địa bàn tuyển sinh

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với UBND các địa phương, hướng dẫn cụ thể địa bàn tuyển sinh của trường phổ thông dân tộc nội trú, đảm bảo phù hợp, đúng quy định, theo nguyên tắc: tuyển sinh trung học cơ sở đối với học sinh có thường trú trên địa bàn huyện (nơi trường đặt địa điểm) và địa bàn lân cận (nếu có), tuyển sinh trung học phổ thông đối với học sinh có thường trú trên địa bàn tỉnh.

3. Phương thức tuyển sinh

- a) Vào lớp 6: Xét tuyển;
- b) Vào lớp 10: Thi tuyển.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ tuyển sinh

- a) Chỉ tiêu tuyển sinh

- Vào lớp 6: Theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.
- Vào lớp 10: Theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh.

b) Tỷ lệ tuyển sinh ở thôn đặc biệt khó khăn và các địa bàn khác: Đối với mỗi địa phương, tuyển hết (100%) học sinh thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn (nếu có) đủ điều kiện tuyển sinh theo quy định và không quá chỉ tiêu giao cho địa phương đó; sau đó xét tuyển đối với đối tượng tuyển sinh thường trú tại khu vực I nếu còn chỉ tiêu.

5. Chế độ ưu tiên và tuyển thẳng

Chế độ ưu tiên (đối tượng được cộng điểm ưu tiên, đối tượng được cộng điểm khuyến khích) thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đối tượng tuyển thẳng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể theo quy định tại mục I.4 Điều này.

6. Thời gian tuyển sinh: Thực hiện như đối với tuyển sinh vào trường trung học phổ thông công lập không chuyên biệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch này và các quy định về tuyển sinh tại Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú

(gọi chung là Quy chế), chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh, Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học phổ thông và các văn bản liên quan khác.

b) Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh theo Quy chế và Kế hoạch, đảm bảo đúng nguyên tắc tuyển sinh, phù hợp với các quy định pháp luật.

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả công tác tuyển sinh trước ngày 15/8/2025.

2. Các sở, ban ngành, địa phương có thành viên tham gia Ban chỉ đạo tuyển sinh: Chủ động phối hợp triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban chỉ đạo tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026 tỉnh Quảng Ninh.

3. Chủ tịch UBND các địa phương

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, quán triệt triển khai và kiểm tra việc thực hiện các văn bản về công tác tuyển sinh năm học 2025-2026 đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường trên địa bàn tổ chức công tác tuyển sinh theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban chỉ đạo tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2025-2026 tỉnh Quảng Ninh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các địa phương và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V3; VX1;
- Lưu: VT, GD. 068.3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hạnh



PHỤ LỤC

Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026 của các trường được điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu tuyển sinh được giao tại Quyết định số 988/QĐ-UBND		Chỉ tiêu tuyển sinh điều chỉnh, bổ sung		Chỉ tiêu tuyển sinh sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	
I	Lớp 10 THPT							
1	THPT Hòn Gai	13	552	2	123	15	675	Gồm Tiếng Anh và Tiếng Pháp
2	THPT Hoàn Bò	8	360	1	45	9	405	
3	THPT Cẩm Phả	12	528	1	57	13	585	
4	THPT Uông Bí	11	495	1	45	12	540	
5	THPT Hải Đảo	9	405	1	45	10	450	
6	THPT Ba Chẽ	5	225	1	45	6	270	
7	THPT Bình Liêu	5	225	1	45	6	270	
8	THPT Quảng Hà	8	360	1	45	9	405	
9	THPT Bãi Cháy	11	495	1	45	12	540	
10	THPT Đông Thành	7	294		21	7	315	



TT	Tên trường	Chỉ tiêu tuyển sinh được giao tại Quyết định số 988/QĐ- UBND		Chỉ tiêu tuyển sinh điều chỉnh, bổ sung		Chỉ tiêu tuyển sinh sau điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	
11	THPT Minh Hà	10	420		30	10	450	
12	THPT Bạch Đằng	10	420		30	10	450	
13	THCS và THPT Tiên Yên	6	264		6	6	270	
14	THPT Cô Tô	3	103		3	3	106	
15	TH, THCS và THPT Thực hành Sư phạm, Đại học Hạ Long			4	180	4	180	
16	THPT Nguyễn Bình	8	360			8	360	Đã bao gồm chỉ tiêu HS tỉnh ngoài
17	THPT Trần Nhân Tông	10	420			10	420	Đã bao gồm chỉ tiêu HS tỉnh ngoài
II	Lớp 6 PTDTNT							
1	PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh			1	35	1	35	
2	PTDTNT THCS Bình Liêu			1	35	1	35	
3	PTDTNT THCS Ba Chẽ			3	105	3	105	
4	PTDTNT THCS Hải Hà			2	65	2	65	